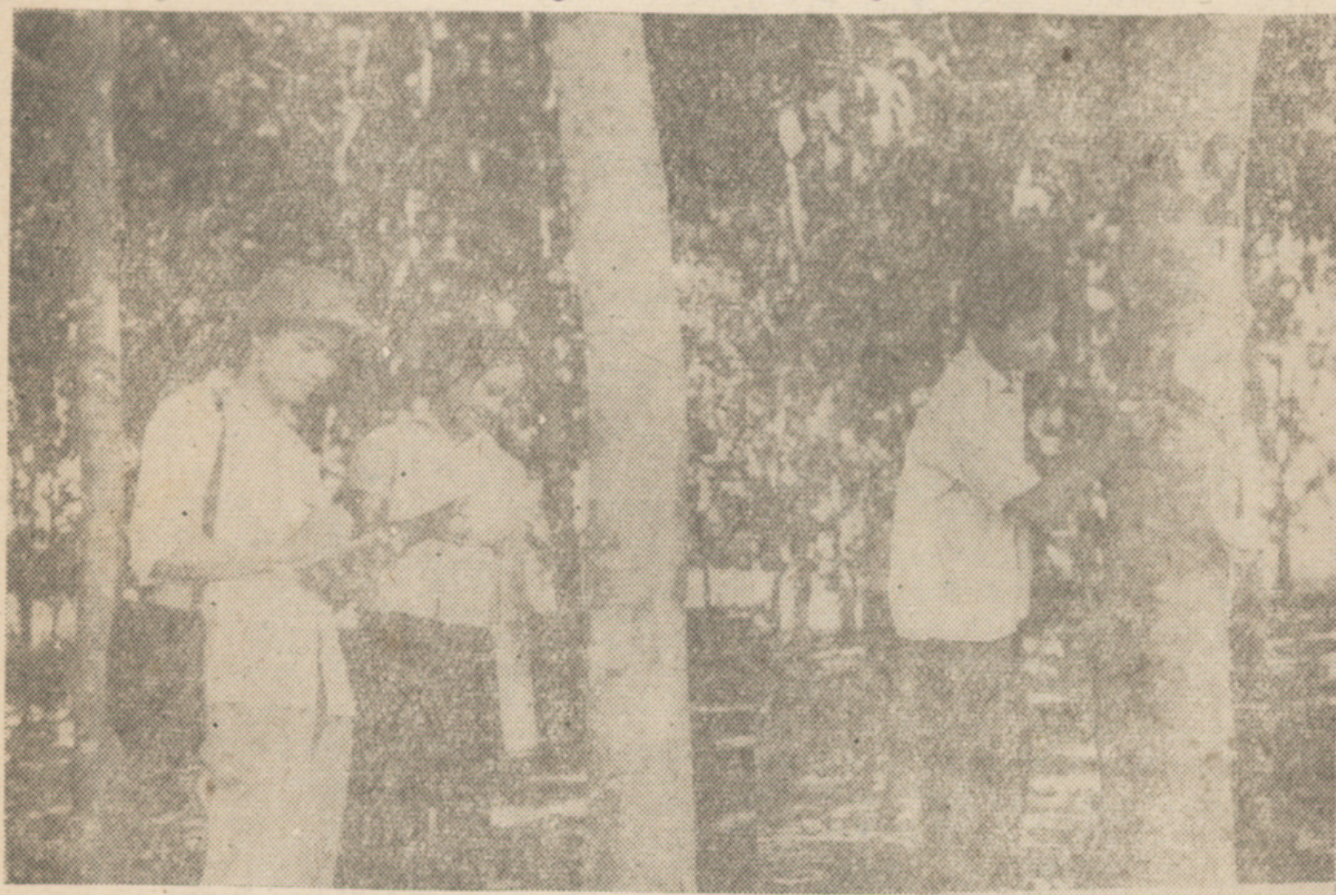


Suy nghĩ về việc phát triển ngành cao su thiên nhiên nước ta

PHẠM NHƯ MAI
TRẦN ĐĂNG NGHỊ



Cán bộ kỹ thuật Trạm nghiên cứu cây nhiệt đới theo dõi
hiệu quả kích thích mù của chất 2,4 D trên cây cao su.

Ảnh: VĂN THÁI (TTXVN)

MẶC dù sản lượng cao su tổng hợp ngày càng tăng, nhưng do một số tính chất ưu việt riêng của cao su thiên nhiên nên mức sản xuất của nó trên thế giới trong những năm gần đây đã đạt gần 5 triệu tấn. Nước có sản lượng cao su thiên nhiên cao nhất thế giới là Malaixia với sản lượng khoảng 1,7 triệu tấn/năm, tiếp đó là Indônêxia (khoảng 900 000

tấn/năm), Thái Lan (khoảng 400 000 tấn/năm), Xrilanca (160 000 tấn/năm), Ấn Độ (140 000 tấn/năm), Libêria (90 000 tấn/năm), Nigiêria (85 000 tấn/năm). Riêng Việt Nam, năm sản xuất cao nhất trước đây đã đạt được 80 000 tấn/năm, chủ yếu là ở miền Nam.

Về tình hình tiêu thụ cao su thiên nhiên, các nước có công nghiệp phát triển như Anh,

Pháp, Cộng hòa liên bang Đức, Nhật Bản, mỗi nước hàng năm phải nhập từ 200.000 đến 300 000 tấn. Riêng Mỹ hàng năm sử dụng trên 700 000 tấn. Trong khi đó, những nước sản xuất nhiều cao su thiên nhiên chỉ sử dụng 3 - 5% tổng sản lượng cao su của mình để gia công chế biến tại chỗ, số còn lại là xuất nguyên liệu.

Trong những năm gần đây, do cuộc khủng hoảng năng lượng, giá dầu mỏ tăng lên, kéo theo giá cao su tổng hợp và cao su thiên nhiên tăng theo (từ tháng 5-1972 đến tháng 6-1974 giá cao su thiên nhiên trên thị trường thế giới tăng gấp hơn 2 lần) tuy trước đó có thời kỳ đã bị giảm đáng kể.

Theo các dẫn liệu, để sản xuất 1 tấn cao su thiên nhiên phải tiêu hao trực tiếp và gián tiếp (về mặt năng lượng) 0,5 tấn dầu mỏ; trong khi để sản xuất 1 tấn cao su tổng hợp phải cần đến 3,5 tấn. Nếu sản xuất 1 tấn poliizôpren tổng hợp (loại cao su tổng hợp có tính năng gần giống cao su thiên nhiên nhất) phải cần đến 5,5 tấn dầu mỏ.

Vì thế, dù sản lượng cao su tổng hợp có tăng đến đâu và với tốc độ như thế nào, và dù cao su tổng hợp được cải tiến hơn nữa, thì cao su thiên nhiên vẫn giữ được vị trí vững vàng vốn có của nó về mặt kỹ thuật cũng như về mặt kinh tế.

Ở nước ta, đất đai và khí hậu, đặc biệt là gần 700 nghìn hecta đất ở các vùng Nam Trung Bộ và Nam Bộ, rất phù hợp cho việc trồng cao su. Vùng Tây Nguyên có khoảng 200 000 ha; vùng đất đỏ (trên 300 000 ha) ở Phước Long, bắc Định Quán, Cẩm Mỹ v.v... và khoảng 150 000 ha đất xám ở Tây Nam Trăng Bom, Lộc Ninh, bắc Tây Ninh... đều là những vùng có thể trồng cao su cho năng suất cao.

Ngay sau khi xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã lập các đồn điền cao su ở các tỉnh miền Nam. Trong những năm cuối thế kỷ trước diện tích trồng cao su đã lên đến khoảng 7 000 ha. Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, thực dân Pháp tiếp tục thực hiện kế hoạch khai thác thuộc địa, đã tập trung mở rộng các đồn điền cao su, đưa tổng diện tích lên khoảng 70 000 ha, đến năm 1943 đạt 100 000 ha.

Trong kháng chiến chống Pháp, diện tích này bị thu hẹp lại một phần. Năm 1963 là năm có diện tích trồng cao su cao nhất (khoảng 142 770 ha) trong đó diện tích khai thác được là 76 630 ha với sản lượng khoảng 80 000 tấn/năm.

Trước đây, đa số các đồn điền lớn (trên 20 đồn điền với diện tích trên 500 ha) đều thuộc quyền sở hữu của gần 10 công ty tư bản Pháp; riêng Công ty Cao su Đất Đỏ chiếm khoảng 15 000 ha, trong đó đồn điền

Quảng Lợi của Công ty này có 8 000 ha. Nói chung, các đồn điền cỡ trên 1 000 ha đều nằm trong tay tư bản nước ngoài; loại đồn điền từ 500 đến 1 000 ha có rất ít; số còn lại, dưới 500 ha, là của tư sản Việt Nam.

Trong vòng 10 năm, từ 1966 đến ngày giải phóng miền Nam, do chiến tranh lan rộng, do bom đạn và chất độc hóa học của Mỹ, nhiều đồn điền cao su bị phá hủy nặng nề, một số bị bỏ hoang hoặc vẫn được tiếp tục khai thác nhưng với năng suất rất thấp, nên sản lượng cao su của miền Nam ngày càng giảm sút. Trước ngày giải phóng sản lượng cao su miền Nam chỉ còn khoảng 25 000 - 30 000 tấn/năm.

Về năng suất cũng vậy. Nếu trước năm 1945, năng suất các đồn điền cao su bình quân chỉ đạt 0,5 - 0,6 tấn/ha, thì đến năm 1959 - 1960 đã đạt được 1 - 1,2 tấn/ha, nhưng đến 1967 trở lại đây chỉ còn 0,6 - 0,7 tấn/ha. Trong khi đó, năng suất khá phổ biến ở một số nước sản xuất cao su thiên nhiên ở châu Á là 1,2 - 1,5 tấn/ha; đó là chưa nói đến những giống mới có khả năng cho năng suất cao: 2,5 tấn/ha, có khi đạt 3,5 tấn/ha.

Trước đây ở miền Nam hầu hết cao su đều xuất khẩu. Năm 1961 đã xuất gần 80 000 tấn. Trong khi đó hàng năm chính quyền ngụy nhập khoảng 4000 tấn sản phẩm cao su vì các cơ sở gia công cao su lúc bấy giờ ở miền Nam rất nhỏ bé. Trước ngày giải phóng, ngoài xí nghiệp Mit-sơ-lanh sản xuất mỗi năm vài triệu săm lốp xe đạp, còn các cơ sở khác với thiết bị cũ kỹ, chắp vá, không đáp ứng được yêu cầu trong nước về mặt hàng, về chủng loại, số lượng cũng như về chất lượng.

Ở miền Bắc sau năm 1954, trước yêu cầu bức thiết của công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, với tinh thần tự lực cánh sinh, chúng ta đã phát triển các nông trường cao su kéo dài từ vùng giới tuyến Quảng Bình đến Vĩnh Phú. Tuy diện tích trồng cao su của các nông trường nói trên không lớn (tổng cộng khoảng 4000 ha), tuy năng suất mủ cao su trên thực tế chưa cao, nhưng nó đã đóng góp giải quyết một phần khó khăn trong những năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và nhất là trong cuộc chống Mỹ cứu nước vừa qua.

Đến nay, nước nhà đã thống nhất, chúng ta có điều kiện để quy hoạch lại các vùng trồng cao su một cách hợp lý và kinh tế hơn.

Nghị quyết Đại hội Đảng tư lần thứ tư, trong phần nói về phương hướng phát triển của các ngành kinh tế quốc dân đã ghi rõ: «... Phát triển *cây công nghiệp* là một nhiệm vụ hết sức quan trọng... Làm tốt công tác phân vùng đất đai, tổ chức nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và xây dựng kịp thời công nghiệp chế biến, để phát triển toàn diện với quy mô

lớn các cây có sợi (bông, đay, dầu tằm...) mía và các cây có dầu (đậu tương, lạc, dừa sỏ...), các cây cao su, chè, cà phê, dứa, chuối và các cây ăn quả khác, các cây hương liệu, dược liệu...».

Trước nhu cầu về cao su của nền kinh tế quốc dân và xuất khẩu, việc *khôi phục và phát triển diện tích trồng cao su* rất cấp bách. Trong những năm tới cần đưa diện tích cao su có thể khai thác được lên 70000 - 80000 ha, với năng suất bình quân 1 tấn/ha, đạt sản lượng của những năm cao nhất trước đây (70000 - 80000 tấn/năm). Để đạt được sản lượng này, trên diện tích các đồn điền cao su cũ, cần xác định lại với số liệu cụ thể tỷ lệ những lô cao su quá già cỗi (trên 30 năm), xác định thời gian còn có thể chích mủ « tận thu » và thời điểm cần phải chặt bỏ để trồng mới lại. Theo các số liệu cũ để lại và các số liệu mới, có thể có khoảng 40000 ha cao su ở trong diện này. Những cây cao su chặt bỏ có thể dùng làm nguyên liệu làm giấy với một khối lượng đáng kể. Khi trồng mới lại, vấn đề cần lưu ý là nên dùng những loại cây có năng suất cao. Những giống cho năng suất 2,5 tấn/ha không còn là giống thí nghiệm nữa mà đã là một mặt hàng trên thị trường thế giới. Cùng với việc sử dụng giống mới, việc chăm bón, sử dụng các chất kích thích mủ và áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiến bộ khi chích mủ cũng là những yếu tố rất quan trọng cho phép tăng năng suất mủ trên từng đơn vị diện tích. Nếu những biện pháp trên đây cũng được thực hiện thì trong cuối kế hoạch 5 năm lần thứ 3, đạt tổng diện tích rừng cao su khoảng 150000 ha là điều có thể thực hiện được, và có triển vọng sẽ thu hoạch 150 000 tấn/năm.

Song song với việc đưa nhanh sản lượng cao su trên cơ sở cải tạo các diện tích trồng có sẵn, chúng ta cũng sẽ đồng thời mở rộng một số diện tích mới.

Bên cạnh việc chích để lấy mủ cao su là chính, cũng không quên rằng với diện tích rừng cao su ấy, nếu chúng ta biết tổ chức tốt việc *thu hái và chế biến hạt* thì hàng năm còn có thể thu được hàng vạn tấn dầu hạt cao su để làm nguyên liệu cho công nghiệp sơn, xà phòng và cho các ngành khác.

Với sản lượng cao su như phần trên vừa nói, công nghiệp gia công cao su phải được mở rộng để đáp ứng được những nhu cầu trong nước về mặt hàng cao su và để xuất khẩu.

Ngành công nghiệp gia công cao su trong những năm tới cần phải tận dụng, cải tạo và mở rộng những nhà máy cao su hiện có trong cả nước, xây thêm một số nhà máy mới quy mô lớn hơn và với kỹ thuật hiện đại. Trước mắt cần mở rộng một số nhà máy mà điều

kiện kỹ thuật và mặt bằng công nghệ cho phép, ổn định sản xuất tiến tới chuyên môn hóa từng nhà máy, từng khu vực. Ngoài phân xưởng sẫm lốp ô tô của Nhà máy cao su sao vàng hiện đang được mở rộng, cần phải sớm xây dựng một nhà máy sản xuất sẫm lốp ô tô đảm bảo hàng năm cung cấp vài chục vạn bộ lốp các cỡ để giảm bớt nhập.

Theo một vài tài liệu, trước đây hàng năm miền Nam phải nhập khoảng 4000 tấn sẫm lốp ô tô, trong khi toàn bộ thiết bị của nhà máy có công suất đạt 3500 tấn sẫm lốp ô tô/năm.

Cùng với việc sản xuất lốp ô tô mới, để sử dụng một cách có hiệu quả nhất những lốp ô tô cũ, cần tiến hành tổ chức việc đắp lại các lốp cũ một cách thường xuyên. Một chiếc lốp ô tô mới trung bình chạy được 60 000 km, nếu được thu hồi lại đúng thời gian quy định (nghĩa là còn đủ tiêu chuẩn) để đắp lại thì có thể chạy thêm được 20 000 km, với chi phí đắp lại chỉ bằng 1/10 giá thành của lốp mới. Hiện nay ta đang thiếu lốp và từ nhiều năm nay cũng đã xây dựng một số cơ sở đắp lốp ở miền Bắc; sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng ta có thêm một số cơ sở đắp lốp khác ở miền Trung và ở thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng hầu hết các cơ sở đắp lốp nói trên đều chưa sử dụng hết công suất, thiếu lốp để đắp lại; một mặt, do việc tổ chức thu mua các lốp cũ làm chưa tốt; mặt khác, phần lớn lốp đã bị quá mòn, không còn đủ tiêu chuẩn để đắp lại được.

Dù có phải bỏ ra một số ngoại tệ nào đó để nhập các vật liệu và nguyên liệu khác — mà trước mắt ta chưa tự sản xuất được — thì vẫn có lợi hơn. Vì những lý do trên, chúng tôi thấy cần thiết phải sớm xây dựng một nhà máy sẫm lốp ô tô với sản lượng lớn hơn nhiều lần cơ sở sản xuất sẫm lốp ô tô hiện có của chúng ta. Tất nhiên với một sản lượng tương đối lớn như vậy, chúng ta sẽ đề một tỷ lệ thích đáng dành cho xuất khẩu. Muốn thế, ngay từ khi đặt vấn đề xây dựng nhà máy, lựa chọn thiết bị và công nghệ, phải ưu tiên chú ý đến những yếu tố có liên quan đến chất lượng sản phẩm vì yêu cầu kỹ thuật của sẫm lốp ngày một cao.

Ngoài sẫm lốp ô tô, hàng năm chúng ta còn cần mấy trăm nghìn sẫm lốp cho các loại xe gắn máy, hàng chục triệu sẫm lốp xe đạp cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Bên cạnh đó, để phục vụ cho việc phát triển nông nghiệp, công nghiệp chúng ta phải tự túc được toàn bộ các sản phẩm bằng cao su khác như ống dẫn nước, ống hút, ống xát gạo bằng tải, đai chuyền, phụ tùng máy v.v...

Để đảm bảo 40 000 - 50 000 tấn cao su cần để gia công trong nước và vài chục nghìn tấn cao su xuất khẩu, cần phải cải tạo và mở

rộng các xưởng chế biến crep xông khói và crep thường ngay tại các đồn điền lớn hiện có ở miền Nam.

Về nguyên liệu phục vụ cho ngành gia công cao su, hiện nay chúng ta chưa có khả năng tự sản xuất được phần lớn các hóa chất hữu cơ cần dùng cho ngành gia công cao su. Tình hình này về cơ bản sẽ không có gì thay đổi cho đến khi ta có công nghiệp hóa dầu. Riêng các hóa chất vô cơ và các chất độn thì từ trước đến nay chúng ta đã tự sản xuất được, nhưng ngay cả với những chất này, có thời kỳ vẫn thiếu hoặc chất lượng không đáp ứng được yêu cầu của ngành. Có loại hóa chất do nhiều nơi sản xuất, nhiều cơ quan quản lý, nên chất lượng mỗi nơi một khác, số lượng có nơi thừa, nơi không đủ cung cấp. Cần phải cân đối giữa sản xuất và nhu cầu, kể cả nhu cầu sau khi phát triển, giữa năng lực thiết bị và quy trình sản xuất với yêu cầu về chất lượng của từng loại sản phẩm để có một sự phân công lại và đầu tư thêm cho các cơ sở hiện có. Về *colôphan và dầu tung tiêu* thì chúng ta có khả năng tự túc được. Chỉ cần đặt vấn đề sớm với các cơ sở hiện đang sản xuất để trong những năm tới họ chủ động cân đối số lượng dùng trong nước với số lượng dự kiến xuất khẩu.

Muội than đen các loại chiếm tới 25% trọng lượng trong các sản phẩm cao su và chiếm khoảng 2/3 tổng số các hóa chất dùng để gia công. Vì khối lượng muội than đen cần dùng tương đối lớn so với các hóa chất khác cần cho ngành gia công cao su nên chúng ta cần có hướng giải quyết ngay từ bây giờ. Có thể phải xây dựng một số nhà máy sản xuất muội than đen dùng cho cao su (và có thể kết hợp sản xuất một số loại muội than khác dùng cho sơn, cho mực in v.v...). Sau này, khi xây dựng khu liên hợp chế biến dầu mỏ, có thể ghép cả nhà máy sản xuất muội than đen vào khu liên hợp này.

Về *vải mảnh*, hiện nay chúng ta vẫn sử dụng vải mảnh bông để sản xuất lốp ôtô. Từ lâu, nhiều nước đã chuyển sang dùng vải mảnh từ sợi vitcô hoặc sợi polyamit. Có ý kiến cho rằng chúng ta không nên dùng sợi vitcô để sản xuất vải mảnh dùng cho lốp ôtô vì nó đã lạc hậu, mà nên dùng sợi polyamit hoặc một loại sợi tổng hợp nào đó. Cần phải nghiên cứu sâu thêm vấn đề này, để sớm có sự lựa chọn tương đối phù hợp.

Ngoài ra, dây thép làm tanh và các loại van ôtô, van xe đạp, mà hiện nay chúng ta vẫn phải nhập cũng cần có phương hướng để tự giải quyết.

Cán bộ Viện Công nghiệp sợi thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ đang kiểm tra độ bền của cao su trong bánh suốt máy day.

Ảnh : (TTXVN)

